

BỘ NỘI VỤ

Số: **595** /QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **05** tháng **7** năm **2012**

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Hội Răng hàm mặt Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Răng hàm mặt Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Răng hàm mặt Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Hội Răng hàm mặt Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2011 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Răng hàm mặt Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Qua*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Y tế;
- Bộ Công an (C64);
- Lưu: VT, TCPCP, G.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Dĩnh
Nguyễn Tiến Dĩnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM



*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 595/QĐ-BNV
ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên, biểu tượng, trụ sở của Hội

1. Tên hội: Hội Răng hàm mặt Việt Nam.
2. Tên viết tắt tiếng Việt: HRHMVN.
3. Tên tiếng Anh: Vietnam Odonto – Stomatology Association.
4. Tên viết tắt tiếng Anh: VOSA.
5. Biểu tượng (logo) của Hội:



(Biểu tượng này được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật).

6. Trụ sở của Hội đặt tại: Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Răng hàm mặt Việt Nam (sau đây gọi là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của công dân Việt Nam làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực răng hàm mặt trong cả nước, cùng nhau đoàn kết, xây dựng ngành vững mạnh, góp phần vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Hội Răng hàm mặt Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, không vì mục đích lợi nhuận, tự trang trải kinh phí hoạt động và tuân thủ theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động. Hội là thành viên của Tổng hội Y học Việt Nam.

3. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, đoàn kết, giúp đỡ hội viên trong nghiên cứu, học tập, phổ biến và cập nhật kiến thức, phát huy khả năng sáng tạo chuyên môn nghiệp vụ y tế và lĩnh vực răng hàm mặt, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.
2. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho hội viên; hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để học tập, cập nhật kiến thức trong lĩnh vực răng hàm mặt, trao đổi kinh nghiệm, nhanh chóng hội nhập khu vực và thế giới theo quy định của pháp luật.
3. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Tổng hội Y học Việt Nam và Bộ Y tế về các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển chuyên ngành răng hàm mặt Việt Nam.
4. Thực hiện việc tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các vấn đề liên quan đến ngành răng hàm mặt và chính sách y tế theo đề nghị của cơ quan nhà nước.
5. Bảo vệ danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội

1. Đại diện cho các hội viên trong các hoạt động có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.
2. Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, cung cấp các hoạt động dịch vụ đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.
3. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề, nghiên cứu khoa học, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập trong và ngoài nước, tham gia đào tạo, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, chế độ chính sách liên quan đến nghề nghiệp cho hội viên theo quy định của pháp luật.
4. Giúp đỡ hội viên triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học, dự án thuộc lĩnh vực răng hàm mặt khi có yêu cầu.
5. Được phép xuất bản sách, tài liệu, tạp chí của Hội theo quy định của pháp luật.
6. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.
7. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
8. Được gia nhập các tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng ngành nghề trong nước, khu vực và thế giới theo quy định của pháp luật.
9. Khen thưởng và đề nghị các cấp có thẩm quyền khen thưởng cho hội viên và tổ chức của Hội có nhiều thành tích trong công tác chuyên môn và công tác phát triển Hội.
10. Xử lý kỷ luật hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, hội viên vi phạm Điều lệ Hội theo quy định của pháp luật.
11. Kết nạp và khai trừ hội viên theo quy định của Điều lệ Hội.

Chương III

HỘI VIÊN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI VIÊN

Điều 6. Hội viên

1. Hội viên chính thức của Hội gồm:

a) Hội viên cá nhân là công dân Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội, hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Hội và có đủ điều kiện sau đây:

- Là bác sỹ răng hàm mặt, nha sỹ, dược sỹ, kỹ sư, kỹ thuật viên và các cán bộ khoa học khác liên quan đến lĩnh vực răng hàm mặt làm đơn tự nguyện xin gia nhập Hội;

- Đóng hội phí, có thẻ hội viên, tham gia sinh hoạt khoa học thường xuyên.

b) Hội viên tổ chức gồm: Các tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực răng hàm mặt, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều được xem xét kết nạp.

2. Hội viên liên kết, hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, làm đơn xin gia nhập thì được xem xét, công nhận là hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự. Hội viên liên kết và hội viên danh dự có quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức trừ quyền bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và không biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của hội viên

1. Quyền của hội viên:

a) Thảo luận và biểu quyết công việc của Hội; ứng cử, đề cử, bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội;

b) Được cử đi nước ngoài để trao đổi kinh nghiệm, học tập, làm việc theo quy định của pháp luật;

c) Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được phát huy mọi khả năng để phục vụ nhân dân;

d) Được trình bày các đề tài nghiên cứu khoa học của mình trong các buổi sinh hoạt khoa học kỹ thuật của Hội;

đ) Được Hội nhận xét về các công trình nghiên cứu để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng, công nhận quyền tác giả, sáng chế;

e) Được giới thiệu đăng các công trình nghiên cứu vào các tạp chí, nội san của Tổng hội Y học Việt Nam và các hội;

g) Được Hội bảo vệ hành nghề trước pháp luật theo quy định của pháp luật;

h) Được hưởng mọi quyền lợi khác do Hội quy định, được Hội bảo vệ các quyền lợi chính đáng của mình nếu bị xâm phạm theo quy định của pháp luật;

i) Được quyền xin ra khỏi Hội.

2. Nghĩa vụ của hội viên:

a) Tôn trọng Điều lệ Hội, nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội. Tuyên truyền phát triển hội viên, vận động quần chúng hưởng ứng các hoạt động của Hội;

b) Chăm lo xây dựng đoàn kết nội bộ;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn; học tập và phổ biến kinh nghiệm phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân, kế thừa nghiên cứu y học cổ truyền, không ngừng nâng cao trình độ khoa học y dược hiện đại, kết hợp chặt chẽ y dược học để xây dựng nền y học dân tộc, đại chúng;

d) Phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tự hào dân tộc, tính sáng tạo, sẵn sàng công hiến tất cả khả năng, kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn của mình để phục vụ nhân dân. Đấu tranh chống những tư tưởng và hành động gây hại đến Hội;

đ) Hoạt động chuyên môn phải theo đúng pháp luật của Nhà nước;

e) Tham gia sinh hoạt Hội và đóng hội phí.

Điều 8. Thủ tục vào Hội, ra Hội

1. Các tổ chức và cá nhân Việt Nam có đủ điều kiện quy định tại Điều 6 Điều lệ này, làm đơn xin gia nhập Hội sẽ được công nhận là hội viên.

2. Tư cách hội viên sẽ không còn trong các trường hợp sau:

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội;

b) Hội viên vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý cấm hành nghề;

c) Hội viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Hội.

3. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục vào Hội, ra Hội; quản lý việc cấp phát, sử dụng thẻ hội viên.

Chương IV TỔ CHỨC HỘI

Điều 9. Tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn.

6. Ban Cố vấn.

7. Các chi hội.

8. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể (sau đây gọi là Đại hội), Đại hội chỉ được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Nhiệm kỳ của Đại hội là 05 (năm) năm do Ban Chấp hành triệu tập. Số lượng đại biểu và tỷ lệ phân bổ đại biểu do Ban Chấp hành quyết định. Trường hợp cần thiết Ban Chấp hành có thể triệu tập Đại hội bất thường khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội có nhiệm vụ:

- a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ trước và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới;
- b) Thảo luận và thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Hội (nếu có);
- c) Thông qua báo cáo thu, chi tài chính của Hội nhiệm kỳ trước và kế hoạch thu, chi tài chính nhiệm kỳ mới;
- d) Quyết định việc gia nhập các tổ chức trong nước, khu vực và quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật;
- đ) Quyết định số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội nhiệm kỳ mới;
- e) Thông qua nghị quyết của Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quyết định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội nhất trí thông qua.

Điều 11. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành là 05 năm. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Các ủy viên của Ban Chấp hành bao gồm những người có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm quản lý, điều hành.

2. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, Ban Chấp hành họp mỗi năm 01 (một) lần. Trường hợp cần thiết có thể tổ chức hội nghị Ban Chấp hành bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị. Hội nghị Ban Chấp hành chỉ được tiến hành khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có mặt tại Hội nghị. Các quyết định, nghị quyết của Ban Chấp hành được thông qua và có hiệu lực khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên dự họp tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì bên có ý kiến của Chủ tịch sẽ được chấp thuận.

3. Trong thời gian giữa 02 (hai) nhiệm kỳ Đại hội, nếu thiếu từ 04 (bốn) ủy viên Ban Chấp hành trở lên thì Ban Chấp hành được bầu bổ sung thêm số ủy viên Ban Chấp hành theo số lượng ủy viên đã được Đại hội quyết định. Hình thức bầu bổ sung do Ban Chấp hành quyết định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Bầu Ban Thường vụ; bầu, bầu bổ sung hoặc miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên thường vụ; bầu bổ sung hoặc miễn nhiệm ủy viên Ban Chấp hành; giới thiệu danh sách ứng cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Hội khóa mới;

b) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hoạt động của Ban Chấp hành hàng năm và cả nhiệm kỳ;

d) Báo cáo tổng kết hàng năm, xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu năm sau;

đ) Chuẩn bị văn kiện Đại hội, quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường;

e) Lãnh đạo thực hiện Điều lệ Hội;

g) Quản lý hoạt động của các chi hội, các ban chuyên môn, Văn phòng Hội và các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội;

h) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành;

i) Căn cứ vào yêu cầu của Ban Chấp hành để quyết định mời các thành viên Ban Cố vấn và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Cố vấn;

k) Giới thiệu hội viên tham dự các khoá đào tạo, tập huấn ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật (nếu có);

l) Phát triển mối quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước, góp phần phát triển Hội.

Điều 12. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành do Ban Chấp hành bầu bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Thành phần Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch (trong đó có một Phó Chủ tịch thường trực), Tổng thư ký và một số uỷ viên. Số lượng uỷ viên Ban Thường vụ không quá 1/3 (một phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành.

2. Ban Thường vụ họp định kỳ 06 (sáu) tháng một lần. Khi cần thiết có thể triệu tập họp bất thường do Chủ tịch Hội quyết định hoặc khi có trên 1/2 (một phần hai) số uỷ viên Ban Thường vụ đề nghị. Các cuộc họp của Ban Thường vụ chỉ được tiến hành khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số uỷ viên có mặt và mọi quyết định phải có trên 1/2 (một phần hai) số uỷ viên dự họp tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì bên có ý kiến của Chủ tịch sẽ được chấp thuận.

3. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành lãnh đạo việc thực hiện các nghị quyết Đại hội và quyết định của Ban Chấp hành giữa 02 (hai) kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế của các ban chuyên môn, Văn phòng Hội và các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội;

c) Quyết định thành lập chi hội và công nhận ban chấp hành của các chi hội;

d) Lập kế hoạch, báo cáo hoạt động của Hội theo quy định của Ban Chấp hành, Tổng hội Y học Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về hội theo quy định của pháp luật;

đ) Ban hành quy chế và chỉ đạo hoạt động của Văn phòng Hội và các ban chuyên môn;

e) Thông qua quyết định bổ nhiệm các chức danh: Chánh Văn phòng, trưởng các ban chuyên môn, lãnh đạo các tổ chức pháp nhân thuộc Hội;

g) Thông qua các chương trình, dự án hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển Hội và phát triển nghề nghiệp;

h) Giới thiệu đại diện của Hội tham gia các hội đồng hoặc ban chuyên môn do các cấp chính quyền hoặc các tổ chức ban, ngành đề nghị;

i) Khi cần thiết Ban Thường vụ có thể xem xét, quyết định thành lập các pháp nhân thuộc Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Các pháp nhân thuộc Hội phải tuân thủ Điều lệ của pháp nhân và pháp luật của Nhà nước;

k) Xem xét, quyết định việc kết nạp hội viên và cho hội viên ra khỏi Hội;

l) Xét khen thưởng, kỷ luật hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật đối với các hội viên, tổ chức thuộc Hội.

Điều 13. Chủ tịch và Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, có nhiệm vụ:

a) Chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; điều hành việc triển khai các nghị quyết của Đại hội, quyết định của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;

b) Quyết định thành lập các ban chuyên môn, các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật; bổ nhiệm, bãi nhiệm lãnh đạo các đơn vị và các ban chuyên môn của Hội;

c) Ký ban hành các quy chế quản lý và hoạt động của Hội;

d) Ký ban hành các nghị quyết, quyết định sau khi được Đại hội, Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ thông qua.

2. Phó Chủ tịch:

a) Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, được Chủ tịch Hội phân công phụ trách và điều hành một số mặt hoạt động chuyên môn của Hội;

b) Phó Chủ tịch thường trực giúp Chủ tịch Hội điều hành các hoạt động của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội và được uỷ quyền điều hành các công việc khi Chủ tịch Hội vắng mặt.

Điều 14. Tổng thư ký

Tổng thư ký là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Văn phòng Hội và các ban chuyên môn của Hội;

2. Viết báo cáo và xây dựng phương hướng hoạt động của Hội trong các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Đại hội nhiệm kỳ;

3. Báo cáo định kỳ, báo cáo hàng năm về hoạt động của Hội cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

4. Làm thư ký trong các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

Điều 15. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu ra gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số uỷ viên. Trưởng Ban Kiểm tra là uỷ viên Ban Thường vụ.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Kiểm tra, giám sát các tổ chức thuộc Hội và hội viên trong việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội, các chủ trương và chương trình công tác của Hội;

b) Kiểm tra hoạt động tài chính của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Kiểm tra hoạt động của Văn phòng Hội và các ban chuyên môn của Hội;

d) Xem xét và kiến nghị Ban Thường vụ giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong nội bộ Hội;

đ) Đề xuất, kiến nghị với ban lãnh đạo Hội xử lý các vi phạm theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu các hội viên, cơ sở, tổ chức của Hội cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát.

Điều 16. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn, Ban Cố vấn và các tổ chức thuộc Hội

1. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn, Ban Cố vấn và các tổ chức trực thuộc Hội do Ban Thường vụ đề nghị và Chủ tịch ra quyết định thành lập; Chánh Văn phòng, trưởng các ban chuyên môn, Ban Cố vấn và tổ chức trực thuộc do Ban Thường vụ đề nghị và Chủ tịch quyết định bổ nhiệm.

2. Ban Cố vấn, các ban chuyên môn và Văn phòng Hội là bộ phận giúp việc Ban Thường vụ và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội hoặc một Phó Chủ tịch Hội theo phân công của Chủ tịch Hội.

3. Văn phòng Hội có trách nhiệm lập danh sách và cập nhật danh sách chi hội, hội viên; làm thẻ hội viên.

4. Tùy theo nhu cầu công tác, Ban Thường vụ có thể thành lập các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội. Việc thành lập và bổ nhiệm chức danh lãnh đạo các tổ chức trực thuộc Hội phải tuân theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Chi hội

1. Chi hội được thành lập khi có từ 30 (ba mươi) hội viên trở lên. Chi hội sinh hoạt định kỳ 03 (ba) tháng một lần. Chi hội hai năm Đại hội một lần để bầu Ban Chấp hành, Chi hội trưởng, Chi hội phó.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của chi hội:

a) Tôn trọng và thi hành Điều lệ của Hội;

b) Tham gia các hoạt động của Hội;

c) Tổ chức trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, thường xuyên báo cáo các hoạt động của chi hội lên Hội;

d) Cập nhật danh sách hội viên do chi hội quản lý và báo cáo lên Hội;

đ) Được thảo luận, chất vấn các hoạt động của Hội;

e) Được giới thiệu đại diện ứng cử vào Ban Chấp hành Hội;

g) Được thu phí hội viên của hội viên sinh hoạt tại chi hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội, chi hội được giữ lại 60% (sáu mươi phần trăm) phí hội viên để hoạt động và gửi 40% (bốn mươi phần trăm) phí hội viên về Ban Chấp hành Hội.

Chương V KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 18. Khen thưởng

1. Hội viên, các ban chuyên môn, tổ chức thuộc và trực thuộc Hội có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội sẽ được Chủ tịch khen thưởng hoặc đề

ngợi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Ban Thường vụ quy định cụ thể thủ tục, tiêu chuẩn và các hình thức khen thưởng.

Điều 19. Kỷ luật

1. Hội viên hoạt động trái với Điều lệ của Hội, làm tổn hại uy tín của Hội, chống lại tôn chỉ, mục đích của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị Ban Thường vụ xem xét khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội. Nếu hội viên là ủy viên Ban Chấp hành thì đề nghị Ban Chấp hành xem xét, quyết định hình thức kỷ luật.

2. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục và hình thức kỷ luật của Hội.

Chương VI TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 20. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: Nhà cửa, phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động Hội và các tài sản khác (nếu có).

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo quản, sử dụng tài sản đúng mục đích và có hiệu quả.

3. Nếu tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý trình Chủ tịch Hội quyết định.

Điều 21. Tài chính của Hội

1. Các nguồn thu của Hội:

a) Hội phí của hội viên thu mỗi năm một lần (mức thu cụ thể do Ban Chấp hành quy định);

b) Thu nhập từ các hoạt động nghiệp vụ của Hội như: Dịch vụ, tư vấn, xuất bản, huấn luyện và thu nhập hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

c) Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi của Hội:

a) Chi cho các hoạt động thường xuyên của Văn phòng Hội;

b) Trả lương, phụ cấp, công tác phí và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ làm chuyên trách hoặc hợp đồng vụ việc của Hội theo quy định của pháp luật;

c) Chi cho các hoạt động thông tin, tuyên truyền, xuất bản, hội nghị, hội thảo;

d) Chi bảo dưỡng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của Hội;

đ) Chi cho các hoạt động do Hội chủ trì hoặc tham gia phối hợp;

e) Hỗ trợ hoạt động cho các chi hội (nếu điều kiện kinh phí cho phép);

g) Chi hợp pháp khác (nếu có).

Các khoản chi của Hội đảm bảo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội

1. Tài sản, tài chính của Hội được quản lý, sử dụng theo quy chế tài chính của Hội và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Hội phải được kiểm toán, báo cáo trong hội nghị Ban Chấp hành, trong Đại hội nhiệm kỳ của Hội và công khai theo quy chế tài chính của Hội.

3. Khi Hội bị giải thể, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra phải tiến hành kiểm kê tài sản, kiểm quỹ và báo cáo Ban Chấp hành quyết định việc xử lý tài sản, tiền tồn quỹ và tiến hành thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội của Hội Răng hàm mặt Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này, gồm 07 (bảy) Chương, 24 (hai mươi bốn) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Hội Răng hàm mặt Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2011 tại thành phố Hà Nội và chính thức có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội Răng hàm mặt Việt Nam được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt, Ban Chấp hành Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện bản Điều lệ này. /.